TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 190/2019/DS-ST
Ngày: 16/10/2019
V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN VĂN BÌNH**

2. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**

- ***Thư ký phiên Tòa:*** Bà **LÊ THỊ KIM NGỌC** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên toà:* Ông **NGUYỄN VĂN HẢI** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2017 về việc tranh chấp "*Hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **NGUYỄN THỊ KIM L,** sinh năm: 1970. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 01, xã M, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Lê Hoàng A**, Văn phòng Luật sư A, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông **PHAN VĂN CH,** sinh năm: 1960. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư **Võ Trọng K**, Chi nhánh Văn phòng Luật sư Võ Trọng K, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trần Văn D,** sinh năm: 1970. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 01, xã M, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo Đơn khởi kiện và tờ tự khai cùng ngày 29/8/2010, Đơn khởi kiện bổ sung và tờ tự khai bổ sung cùng ngày 13/4/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị Kim L trình bày:* Bà và ông Ch có giao dịch mua bán vật tư nông nghiệp nên quen biết nhau. Từ năm 2002 thì bà và ông Ch có mua bán vật tư nông nghiệp rất nhiều lần. Bà bán cho ông Ch theo hình thức trả chậm. Đến ngày 14/5/2007 thì bà và ông Ch chốt nợ và lập biên nhận. Biên nhận ngày 14/5/2007 do bà viết và do ông Ch ký tên. Trong biên nhận thể hiện số tiền còn nợ là 54.153.000 đồng. Trong đó, ông Ch nợ bà số tiền là 48.225.000 đồng, còn số tiền 5.928.000 đồng là của anh Th (Con của ông Ch) nợ bà. Từ ngày viết biên nhận đến nay ông Ch không trả cho bà khoản tiền nào. Nay bà yêu cầu ông Ch phải trả cho bà số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 48.225.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 14/5/2007 đến ngày xét xử, yêu cầu trả trong một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Đối với số tiền 5.928.000 đồng của anh Th nợ bà được ghi trong biên nhận thì bà không yêu cầu.

Tại phiên tòa bà L xác định yêu cầu ông Phan Văn Ch trả số tiền nợ vật tư là 48.225.000 đồng làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật và yêu cầu tính lãi trên số tiền 48.225.000 đồng từ ngày 11/11/2010 đến ngày xét xét xử, lãi suất 9%/năm.

- *Bị đơn ông Phan Văn Ch trình bày:* Ông và bà L có giao dịch mua bán vật tư nông nghiệp với nhau từ năm 2002 đến năm 2003. Ông xác định năm 2007, ông không còn mua vật tư nông nghiệp của bà L. Việc mua bán của ông và bà L thì ông đã thanh toán xong hết, không còn nợ bà L khoản tiền nào. Đối với biên nhận ngày 14/5/2007 thì ông không biết, không viết và cũng không có ký tên. Biên nhận đó do bà L tự viết, tự ký tên. Trước đây, ông có thừa nhận còn nợ bà L số tiền 3.000.000 đồng thì ông xác định đây là khoản nợ khác của con ông, không liên quan đến số tiền mà bà L khởi kiện. Nay ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu ông phải trả cho bà số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 48.225.000 đồng và yêu cầu tính lãi vì ông cho rằng không còn nợ bất cứ khoản tiền nào của bà L.

- *Theo tờ tự khai ngày 16/02/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn D trình bày:* Vào năm 2006 ông có nhận của ông Ch số tiền là 1.000.000 đồng tiền mua vật tư nông nghiệp. Lúc đó hai bên còn mua bán với nhau với số lượng ít. Đến ngày 14/5/2007 kết sổ thì hai bên làm biên nhận ông Ch còn nợ lại số tiền 48.225.000 đồng. Ông xác định số tiền 1.000.000 đồng mà ông nhận của ông Ch không liên quan đến số tiền 48.225.000 đồng mà bà L khởi kiện vì số tiền này ông Ch trả trước khi kết sổ là ngày 14/5/2007. Nay bà L khởi kiện ông Ch yêu cầu ông Ch phải trả cho bà L số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 48.225.000 đồng và yêu cầu tính lãi thì ông không có ý kiến gì.

- Ý kiến người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp nguyên đơn: Quyết định giám đốc thẩm của Uỷ ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xác định việc ông Ch thừa nhận còn nợ bà Loan 3.000.000đồng là bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện. Đồng thời qua các biên bản ghi lời khai, biên bản phiên tòa năm

2010, kết luận giám định đều xác định biên nhận ngày 14/5/2007 do ông Ch ký nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Hiện tại thì chưa phát hiện sai sót gì để kiến nghị khắc phục. Về nội dung: Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án trước đây ông Ch có thừa nhận ký vào biên nhận ngày 14/5/2007 nhưng sau đó không thừa nhận nhưng không có chứng cứ gì chứng minh, kết quả giám định cũng xác định do cùng 1 người ký viết ra. Về số tiền 48.225.000 đồng ông Ch cho rằng có lãi trong đó nhưng không có gì chứng minh. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu ông Ch trả 48.225.000 đồng làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật và yêu cầu tính lãi trên số tiền 48.225.000 đồng từ ngày 11/11/2010 đến ngày xét xử, lãi suất 9%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Bị đơn ông Phan Văn Ch; người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông luật sư Võ Trọng K dù được triệu tập xét xử lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn D có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên. Đối với bà L tại phiên tòa chỉ yêu cầu ông Ch trả 48.225.000 đồng làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật và yêu cầu tính lãi trên số tiền 48.225.000 đồng từ ngày 11/11/2010 đến ngày xét xét xử, lãi suất 9%/năm. Xét thấy đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận theo Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa bà L khởi kiện yêu cầu ông Phan Văn Ch trả 48.225.000 đồng theo biên nhận đã ký ngày 14/5/2007. Đối với ông Ch tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng không đồng ý trả tiền vì ông đã trả xong rồi và biên nhận ngày 14/5/2007 ông không có ký tên. Xét thấy vào năm 2010 bà L bắt đầu khởi kiện ông Phan Văn Ch để yêu cầu ông trả số tiền 48.225.000 đồng theo giấy biên nhận ngày 14/5/2007. Trong quá trình Tòa án giải quyết tại biên bản hòa giải ngày 11/11/2010 ông Ch thừa nhận từ vụ đông xuân 2002 đến năm 2007 ông có mua vật tư nông nghiệp của bà L nhiều lần theo hình thức trả chậm. Biên nhận ngày 14/5/2007 ông có ký tên, khi đó bà L ghi ông nợ 54.153.000 đồng, còn 04 dòng cuối không ghi mà để trống. Sau đó ông đã trả nhiều lần chỉ còn nợ số tiền vốn 3.000.000 đồng nên đồng ý trả bà L 3.000.000 đồng vốn và 2.000.000 đồng lãi. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 22/11/2010 ông vẫn thừa nhận ký vào biên nhận ngày 14/5/2007 và đồng ý trả cho bà L 5.000.000 đồng vốn và lãi. Tại bản án số 318/2010/DSST ngày 22/11/2010 và bản án số 48/2012/DSST ngày 10/4/2012 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè đều chấp nhận yêu cầu của bà L. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 414/2012/DSPT ngày 17/9/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã hủy bản

án số 48/2012/DSST ngày 10/4/2012 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè và đình chỉ giải quyết vụ án với lý do hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, tại quyết định giám đốc thẩm số 70/2016/DS-GĐT ngày 25/5/2016 của Uỷ ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã hủy cả bản án số 414/2012/DSPT ngày 17/9/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang và bản án số 48/2012/DSST ngày 10/4/2012 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Cái Bè giải quyết lại từ đầu với lý do ông CH thừa nhận còn nợ 3.000.000 đồng là trường hợp bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện. Trong quá trình giải quyết lại, ông Ch vẫn không thừa nhận có ký vào biên nhận ngày 14/5/2007 và có yêu cầu giám định. Qua 02 lần trưng cầu giám định tại Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh đều xác định:

"1. Chữ ký trên tài liệu cần giám định có nội dung bắt đầu và kết thúc " Biên nhận ngày: 14-5-07…Chí Phan V- Ch" (ký hiệu A) so với chữ ký đứng tên Phan Văn Ch trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M11, M12 là do cùng một người ký ra.

2. Chữ ký dạng chữ viết " Chí", chữ viết họ tên " Phan V – Ch" dưới chữ ký trên tài liệu cần giám định có nội dung bắt đầu và kết thúc " Biên nhận ngày: 14-5-07… Chí Phan V- Ch" (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Phan Văn Ch trên tài liệu mẫu so sánh tương ứng ký hiệu từ M1 đến M12 là do cùng một người ký, viết ra.**"**

Từ những cơ sở trên cho thấy rằng ông Ch có ký tên vào biên nhận nợ ngày 14/5/2007. Việc ông khai đã trả hết tiền nợ cho bà Loan nhưng ông không có gì để chứng minh, phía bà L cũng không thừa nhận nên không có cơ sở xem xét lời khai của ông. Cho nên Hội đồng xét xử xét buộc ông Ch phải trả cho bà L 48.225.000 đồng tiền vật tư còn nợ.

[3]. Đối với yêu cầu trả lãi chậm trả của bà Loan trên số tiền 48.225.000 đồng từ ngày 11/11/2010 đến ngày xét xử. Như đã nhận định ở trên về việc bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện nên chỉ có cơ sở tính lãi chậm trả từ ngày ông Ch thừa nhận nợ là ngày 11/11/2010 trên số tiền 48.225.000.000 đồng. Đối với mức lãi suất bà L yêu cầu ông Ch phải trả là 9%/năm. Xét thấy cũng phù hợp với qui định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Từ ngày 11/11/2010 đến ngày xét xử là 107 tháng (tính tròn). Lãi suất được tính như sau: 48.225.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 107 tháng = 38.701.000 đồng (làm tròn).

[4]. Về án phí: Ông Ch phải chịu án phí theo quy định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326 UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

[5]. Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp nguyên đơn cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6]. Đối với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 305 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 440, Điều 428 và Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326 UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L.

Buộc ông Phan Văn Ch trả cho bà Nguyễn Thị Kim L 48.225.000 đồng tiền vốn và 38.701.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 86.926.000 đồng.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Ch chậm trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[2]. Về án phí: Ông Phan Văn Ch phải chịu 4.346.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại bà Nguyễn Thị Kim L 1.205.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 06674 ngày 13/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

[3]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Cái Bè;*
- *Chi cục THADS huyện Cái Bè;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

TRẦN TÚ ANH